

Điều 6. — Phi tồn sửa đường do các Sở Tài chính các thành phố Hà nội, Hải phòng, khu Tự trị Thái — Mèo, khu Hồng quang và Ty Tài chính các tỉnh thu và nộp vào kho bạc Nhà nước.

Điều 7. — Mỗi khi thu phi tồn sửa đường cơ quan thu phải cấp biên lai cho chủ xe. Chủ xe hoặc người lái xe phải mang biên lai theo xe và xuất trình với cơ quan và nhân viên kiểm soát giao thông, thuế vụ khi cần thiết.

Điều 8. — Các xe đóng phi tồn sửa đường vào đầu tháng hay đầu quý rồi thì trong tháng hoặc trong quý đó, chạy nhiều hay ít, có chạy hay không đều không được trả lại số tiền đã đóng. Tuy nhiên các xe nghỉ hoạt động trong một tháng hoặc một quý, có báo trước vào cuối tháng hoặc cuối quý thì sẽ được miễn phi tồn sửa đường trong tháng hoặc trong quý nghỉ hoạt động.

Điều 9. — Việc thu phi tồn sửa đường bắt đầu thi hành kể từ ngày 1 tháng 4 năm 1958.

Điều 10. — Chủ xe nào cố ý dây dưa, gian lận, man khai, trốn tránh nhiệm vụ đóng phi tồn sửa đường, sẽ bị cảnh cáo hoặc bị phạt thêm một số tiền bằng số phi tồn sửa đường phải đóng và nếu tái phạm sẽ bị phạt gấp đôi.

Trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc có những hành vi chống lại việc thu phi tồn sửa đường, thì tùy trường hợp nặng nhẹ, người chủ xe có thể bị rút có thời hạn hoặc vĩnh viễn giấy phép sử dụng xe, giấy phép kinh doanh vận tải hoặc bị truy tố trước Tòa án.

Điều 11. — Bộ Giao thông và Bru điện và Bộ Tài chính ra thông tư hướng dẫn thi hành nghị định này. Bộ Tài chính quy định thủ tục chi tiết về việc thu phi tồn sửa đường.

Điều 12. — Các ông Bộ trưởng Bộ Giao thông và Bru điện, Bộ Tài chính, Bộ Công an và Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm thi hành bản thể lệ tạm thời này.

Hà nội, ngày 15 tháng 3 năm 1958

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

CÁC BỘ

BỘ LAO ĐỘNG

THÔNG TƯ số 4-LĐTT ngày 8-3-1958 tạm thời quy định và hướng dẫn thi hành chế độ thưởng phát minh cải tiến kỹ thuật và sáng kiến hợp lý hóa (gọi tắt là sáng kiến phát minh).

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG

Kính gửi: Các Bộ, các cơ quan trung ương, Các Ủy ban Hành chính thành phố, Liên khu, khu, tỉnh.

Các Khu, Sở, Ty và Phòng Lao động.

A. — MỤC ĐÍCH Ý NGHĨA

Trong phong trào thi đua sản xuất và tiết kiệm cán bộ, công nhân, viên chức ở khắp các ngành đã phát huy sáng kiến giải quyết được nhiều vấn đề mấu chốt trong sản xuất. Những sáng kiến đó có tác dụng tốt trong việc cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, làm hạ giá thành, cải thiện điều kiện lao động bảo đảm sản xuất được an toàn.

Những việc áp dụng sáng kiến ở các xí nghiệp còn lẻ tẻ, chưa được thống nhất, chưa có bộ máy chuyên trách hoặc bộ máy chưa được kiện toàn. Vì vậy mà có những sáng kiến chưa được khen thưởng và áp dụng kịp thời, hoặc có hiện tượng giá trị sáng kiến gần giống nhau mà thưởng lại khác nhau.

Đó là trở ngại làm hạn chế một phần phong trào phát minh cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

Thông tư số 3-LĐ ngày 22-1-1957 của Bộ Lao động đã quy định chế độ thưởng sáng kiến phát minh nhằm mục đích khuyến khích công nhân, cán bộ kỹ thuật, nhân viên quản lý xí nghiệp, những người làm công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật phục vụ sản xuất phát huy khả năng sáng tạo, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất. Nhưng thông tư số 3-LĐ chỉ mới định một số nguyên tắc chung. Nhiều nơi đang gặp khó khăn mắc mứu về nội dung và phương pháp thực hiện.

Căn cứ vào những kinh nghiệm bước đầu đã đúc rút trong các cuộc thi diêm tiền thưởng, sau khi được Thủ tướng phủ đồng ý, nay tạm thời Bộ quy định cụ thể những nguyên tắc, nội dung và phương pháp thực hiện thưởng sáng kiến phát minh làm cơ sở mở rộng chế độ khen thưởng này, để đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật, phát minh khoa học rộng rãi trong quần chúng công nhân, cán bộ, nhân viên kỹ thuật, khoa học.

B. — NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Tất cả công nhân, cán bộ, nhân viên và những người làm công tác nghiên cứu kỹ thuật khoa học có liên quan đến sản xuất có sáng kiến hợp lý hóa, cải tiến kỹ thuật, phát minh, trực tiếp phục vụ cho sản xuất, áp dụng trong những ngành

thuộc khu vực sản xuất, sau khi áp dụng có kết quả đều được thưởng về sáng kiến phát minh theo thông tư này. Khu vực sản xuất thuộc phạm vi thi hành thông tư này gồm có: các xí nghiệp công nghiệp, vận tải bưu điện, xây dựng cơ bản, nông trường và lâm trường quốc doanh, xí nghiệp công dụng, kim dụng ngân hàng, Mậu dịch và những xí nghiệp khác.

2. Tiền thưởng sáng kiến phát minh nhiều hay ít là do giá trị tiết kiệm được cho quốc gia lớn hay nhỏ quyết định. Mức khen thưởng cao hay thấp là tùy theo mức độ sáng tạo của mỗi loại sáng kiến để xác định, cho nên mức khen thưởng phát minh cao hơn thưởng cải tiến kỹ thuật và mức khen thưởng cải tiến kỹ thuật cao hơn thưởng sáng kiến hợp lý hóa.

3. Nguồn tiền thưởng về sáng kiến phát minh là nguồn tiền tiết kiệm được khi áp dụng sáng kiến. Tiền thưởng và các khoản phí tổn về thi nghiệm đều lấy ở khoản chi tiêu về sáng kiến phát minh của các ngành, các xí nghiệp theo dự trù của kế hoạch như đã quy định trong thông tư số 131-TTg ngày 4-4-1957 của Thủ tướng phủ.

4. Nội dung của phát minh, cải tiến kỹ thuật và sáng kiến hợp lý hóa:

a) Phát minh:

Là những sáng tạo ra máy móc, dụng cụ mới, các loại kim khí các chất hóa học mới từ trước tới nay chưa có, có lợi nhiều cho việc đẩy mạnh sản xuất, tiết kiệm sức người sức của

b) Cải tiến kỹ thuật:

Là những sửa đổi có tác dụng quan trọng đối với các cơ cấu của thiết bị máy móc hoặc đối với quy trình kỹ thuật sản xuất nhưng vẫn còn trên cơ sở kỹ thuật cơ bản hiện có.

c) Sáng kiến hợp lý hóa:

Là những sáng kiến có tính chất kỹ thuật nhằm sửa đổi lối sản xuất được hợp lý hơn như những đề nghị về sử dụng thiết bị máy móc công

cụ được hiệu quả hơn, hoặc kéo dài thời gian sử dụng, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu và sức điện, lợi dụng được phế phẩm cải tiến được phương pháp làm việc, cải tiến được tổ chức lao động, giảm bớt tỷ lệ phế phẩm... Phạm vi của những sáng kiến hợp lý hóa là những phương pháp cải tiến cụ thể có kết quả tốt và rõ ràng trong việc nâng cao số lượng, chất lượng, giảm giá thành. Trong việc cải tiến ấy, nhiều khi đòi hỏi phải sửa đổi một vài bộ phận giản đơn của máy móc, dụng cụ.

Phải căn cứ vào trình độ cải tiến quy trình kỹ thuật, cơ cấu của máy móc thiết bị sau khi sử dụng sáng kiến mới, kết quả của sự sáng tạo của người nêu ra sáng kiến mà phân biệt sự khác nhau giữa cải tiến kỹ thuật và sáng kiến hợp lý hóa. Nói chung sáng kiến hợp lý hóa sản xuất là những đề nghị có tính chất kỹ thuật song không phải là cải tiến kết cấu của trang bị máy móc hoặc cải tiến quy trình kỹ thuật sản xuất, như cải tiến kỹ thuật. Ví dụ:

a) Một công nhân đã sửa chữa máy nung định cũ (Pháp để lại) làm ra máy hàn điện cố định có năng lực 32 KW có thể hàn que hàn từ 3 đến 4 ly. Việc cải tiến đó đã làm thay đổi đối tượng lao động, thay đổi hình dáng, khả năng của máy (Từ chỗ nung định trở thành hàn que hàn) nên gọi là cải tiến kỹ thuật.

b) Trong việc tiện «sơ-mi-xy-lanh» (chemise cylindre) trước dùng «bu-li» (poulie) nhỏ, nay có người có sáng kiến thay «bu-li» lớn hơn đường đi của dao chạy nhanh hơn, bắt dao vừa tiện vừa hớt mặt một lúc, nên tiện được nhanh hơn trước có tác dụng đẩy mạnh năng suất. Sáng kiến này tuy có tính chất kỹ thuật nhưng không có thay đổi về quy trình kỹ thuật sản xuất, kết cấu của máy móc nên gọi là sáng kiến hợp lý hóa.

C.— TỶ LỆ VÀ THỜI HẠN THƯỞNG

1. Tiền thưởng phát minh tính theo giá trị tiết kiệm được trong một năm. Tiền thưởng cải tiến kỹ thuật và sáng kiến hợp lý hóa tính theo giá trị tiết kiệm trong 6 tháng, kể từ ngày áp dụng sáng kiến theo tỷ lệ sau đây:

GIÁ TRỊ TIẾT KIỂM TÍNH TRONG 6 THÁNG HOẶC MỘT NĂM	PHÁT MINH		CẢI TIẾN KỸ THUẬT		HỢP LÝ HÓA	
	Tỷ lệ %	Tiền thưởng thêm	Tỷ lệ %	Tiền thưởng thêm	Tỷ lệ %	Tiền thưởng thêm
— Dưới 1.000.000	15%	Không	10%	Không	5%	Không
— Từ 1.000.000 dưới 2.000.000	12	30.000	8	20.000	4	10.000
— Từ 2.000.000 dưới 5.000.000	8	110.000	5	80.000	3	30.000
— Từ 5.000.000 dưới 10.000.000	4	310.000	2,5	205.000	1,5	105.000
— Từ 10.000.000 dưới 25.000.000	2	510.000	1,2	335.000	0,7	185.000
— 25.000.000 trở lên đồng tính	1	760.000	0,6	485.000	0,3	285.000

Phương pháp tính tiền thưởng: lấy giá trị tiền tiết kiệm nhân với tỷ lệ % cộng với số tiền thưởng thêm.

Ví dụ: Giá trị tiết kiệm cải tiến kỹ thuật là 1.500.000đ thì lấy $1.500.000đ \times 8\% = 120.000đ$ rồi cộng thêm 20.000đ (tiền thưởng thêm) thành tiền thưởng cải tiến kỹ thuật là 140.000đ.

$$\frac{1.500.000đ \times 8}{100} + 20.000đ = 140.000đ$$

Sở dĩ có quy định những số tiền thưởng thêm là để đảm bảo cho tiền thưởng sáng kiến phát minh vẫn được tăng dần theo giá trị tiết kiệm được, mặc dầu tỷ lệ % có giảm dần xuống.

2. Tiền thưởng về sáng kiến hợp lý hóa thấp nhất là 3.000đ, về cải tiến kỹ thuật thấp nhất là 6.000đ, về phát minh thấp nhất là 9.000đ. Nếu tiền thưởng tính theo tỷ lệ dưới số tiền thấp nhất đã quy định vẫn được thưởng theo sự quy định thấp nhất này.

3. Tiền thưởng về sáng kiến hợp lý hóa cao nhất không quá 400.000 về cải tiến kỹ thuật cao nhất không quá 800.000đ trong 6 tháng, về phát minh cao nhất không quá 1.200.000đ trong một năm.

4. Nhưng phát minh dù có quan hệ trực tiếp đến nhiệm vụ người đó hay không, sau khi đã áp dụng đều được thưởng theo quy định của thông tư này.

5. Những sáng kiến hợp lý hóa do công trình sư, kỹ sư, kỹ thuật viên, nhân viên nghiên cứu về khoa học và kỹ thuật, nhân viên quản lý hành chính trong các đơn vị sản xuất từ Trường ban sản xuất trở lên là những người có nhiệm vụ thường xuyên nghiên cứu để cải tiến nghiệp vụ của mình nên không được thưởng theo tỷ lệ quy định ở trên. Những người này chỉ được thưởng về cải tiến kỹ thuật và phát minh.

Trường hợp những cán bộ, nhân viên có những sáng kiến hợp lý hóa có tính chất sáng tạo độc lập thì có thể do Thủ trưởng đơn vị khen thưởng bằng vật chất hoặc danh dự nhưng không khen thưởng theo tỷ lệ quy định trong thông tư này.

6. Những sáng kiến về cải thiện điều kiện lao động, an toàn kỹ thuật, chế độ quản lý và nâng cao chất lượng sản phẩm... mà không tính được giá trị tiết kiệm rõ ràng thì đơn vị sử dụng sẽ căn cứ vào kết quả thực tế để chấm chước mà đề nghị Bộ hoặc Cục Quản lý khen thưởng. Tiền thưởng có thể lấy ở quỹ tiền khen thưởng và không theo tỷ lệ quy định trong thông tư này.

7. Những sáng kiến chưa được chính thức thừa nhận là phát minh hay cải tiến kỹ thuật thì phát minh tạm thời thưởng theo tiêu chuẩn cải tiến kỹ thuật, cải tiến kỹ thuật tạm thời thưởng theo tiêu chuẩn sáng kiến hợp lý hóa. Khi đã được chính thức thừa nhận là phát minh hay cải tiến kỹ thuật thì sẽ được truy lĩnh số tiền thưởng theo tỷ lệ của mỗi loại đã quy định trong thông tư này.

8. Sau khi sáng kiến được sử dụng làm thay đổi mức sản xuất thì song song với việc sử dụng sáng kiến đơn vị cần sửa đổi mức sản xuất lại cho thích hợp. Riêng người công nhân nêu ra sáng kiến vẫn được giữ mức sản xuất cũ trong thời gian 3 tháng để tính tiền thưởng tăng năng suất kể từ ngày sáng kiến được sử dụng.

9. Những phát minh, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến hợp lý hóa được áp dụng ngoài việc thưởng theo những quy định của thông tư này, còn tùy theo tác dụng lớn nhỏ sẽ biểu dương thành tích phát bằng khen, huân chương hoặc các hình thức khen thưởng khác theo sự quy định của Chính phủ.

D. - PHƯƠNG PHÁP TÍNH VÀ PHÁT TIỀN THƯỞNG

1. Giá trị tiết kiệm của cải tiến kỹ thuật và các sáng kiến hợp lý hóa áp dụng có tính chất lâu dài trong xí nghiệp thì căn cứ vào kết quả thực tế trong 6 tháng thực hiện để tính. Giá trị tiết kiệm của phát minh sẽ căn cứ vào kết quả thực tế trong một năm thực hiện để tính. Những sáng kiến phát hiện vào cuối năm thì sẽ tính vào năm sau.

2. Những sáng kiến chỉ dùng trong một thời gian nhất định không đến một năm hay 6 tháng thì theo thời gian sử dụng mà tính. Những sáng kiến chỉ sử dụng cho một thời kỳ đặt hàng nhất định thì giá trị tiết kiệm tính theo kế hoạch đặt số hàng ấy. Những sáng kiến để sửa chữa một hoặc một số máy móc thiết bị thì giá trị tiết kiệm tính theo số máy móc được sửa lại.

3. Những sáng kiến có tác dụng tiết kiệm được ở bộ phận này nhưng khi thực hiện lại tăng những khoản chi phí ở bộ phận khác hoặc tiết kiệm được mặt này nhưng lại phải chi phí thêm về mặt khác thì số tiền chi tiêu thêm đó phải khấu trừ vào giá trị tiết kiệm. Trừ những khoản chi phí về nghiên cứu như mô hình, biểu đồ, thực nghiệm v.v... thì không khấu trừ vào giá trị tiết kiệm.

4. Những đề nghị làm hạ giá thành sản phẩm thì tiền tiết kiệm tính theo sự chênh lệch về giá thành bình quân thực tế 3 tháng trước khi sử dụng và sau khi sử dụng đề nghị:

— Nếu tiết kiệm được vật liệu thì tính thành tiền.

— Nếu tiết kiệm được thời gian thì lấy tiền tiết kiệm nhân công kể cả công gián tiếp để tính.

5. Những sáng kiến nâng cao mức sử dụng thiết bị năng lực máy móc, sửa đổi phương pháp công tác, sửa chữa thiết bị thì tiền tiết kiệm được tính theo số tiền chênh lệch trong dự toán sản xuất hàng năm trước khi sử dụng và dự toán mới làm sau khi sử dụng.

6. Những sáng kiến làm giảm bớt hoặc không còn phế phẩm của sản phẩm thì giá trị tiết kiệm sẽ căn cứ vào số thiệt hại về phế phẩm xảy ra trong tháng trước khi sử dụng đề nghị so sánh mức

tiết kiệm sau 3 tháng đã sử dụng để tính. Trường hợp giá trị tiết kiệm không tính được chính xác thì do Thủ trưởng đơn vị ước lượng mà tính.

7. Những sáng kiến sau khi được quyết định sử dụng thì trong vòng 30 ngày (kể từ ngày có quyết định) đơn vị trực tiếp sử dụng phải thông tri cho những người có sáng kiến được biết. Trong thông tri phải nói rõ cả số tiền tiết kiệm được (theo sự tính toán) và tiền thưởng.

8. Tiền thưởng phát minh, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến hợp lý sẽ trả cứ 3 tháng một lần sau khi đã được sử dụng, căn cứ theo giá trị thực tế đã tiết kiệm được trong 3 tháng đó.

9. Biện pháp khen thưởng cho tập thể:

a) Những sáng kiến do tập thể xây dựng thì tiền thưởng sẽ phát cho tập thể. Những người đó thỏa thuận với nhau để quyết định việc phân phối số tiền thưởng cho hợp lý.

b) Nếu có sáng kiến chưa dùng đến mà có ý kiến một người khác bổ sung và được đem ra sử dụng thì cũng sẽ phát tiền thưởng chung. Người nêu ra và người bổ sung sáng kiến sẽ thỏa thuận với nhau để chia tiền thưởng theo tác dụng của từng người.

10. Những sáng kiến về phát minh, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến hợp lý hóa mà tiền thưởng dưới 100.000đ thì do giám đốc đơn vị xí nghiệp quyết định phát thưởng và báo cáo lên cấp trên trực tiếp (Sở, Cục...) Từ 100.000đ đến 300.000đ do Sở hoặc Cục quản lý quyết định thưởng và báo cáo lên Bộ chủ quản. Từ 300.000đ đến 800.000đ do Bộ chủ quản quyết định phát thưởng và báo cáo lên Thủ tướng phủ. Mỗi Bộ sẽ căn cứ vào mức tối thiểu, tối đa trên đây mà định quyền hạn cấp tiền thưởng cho các Cục và các xí nghiệp tùy theo đơn vị đó lớn hay nhỏ.

E. — TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Đề động viên đông đảo công nhân, cán bộ, nhân viên phát minh cải tiến kỹ thuật đề nghị hợp lý hóa trong mọi ngành hoạt động và đảm bảo thực hiện tốt, kịp thời những sáng kiến, các Bộ, các ngành chỉ đạo sản xuất, các xí nghiệp chỉ định bộ phận chuyên trách gồm một số cán bộ kỹ thuật. Bộ phận này nằm trong hệ thống tổ chức kỹ thuật, của các ngành các xí nghiệp.

Đề tăng cường sự hoạt động về mặt này ở các ngành chỉ đạo trực tiếp sản xuất, những xí nghiệp, nhà máy, đơn vị sản xuất sẽ thành lập một Hội đồng xét sáng kiến.

Thành phần Hội đồng (xí nghiệp, đơn vị sản xuất):

- Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Trưởng xưởng phụ trách về kỹ thuật. Chủ tịch
- Một Trưởng ban kỹ thuật. Ủy viên
- Một kỹ thuật của nhà máy. Thư ký

- Một Trưởng ban lao động tiền lương. Ủy viên
- Một Đại biểu công đoàn. Ủy viên
- Một Đại biểu thanh niên. Ủy viên

Ngoài ra ở mỗi phân xưởng, chủ nhiệm phân xưởng, kỹ thuật viên, thư ký công đoàn lập tổ vận động sáng kiến.

Nhiệm vụ:

a) Hướng dẫn động viên công nhân, cán bộ, nhân viên phát huy tinh tích cực và sáng tạo, nêu phát minh, cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất.

b) Thẩm tra kế hoạch phát minh, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến hợp lý hóa của công nhân, nhân viên kỹ thuật, cán bộ, nhân viên trong xí nghiệp, giúp đỡ đạt kế hoạch và chỉ đạo thực nghiệm. Nếu những sáng kiến nào không thực nghiệm trong xí nghiệp được báo cáo lên cấp trên đề nghị giúp đỡ thực hiện.

c) Vạch kế hoạch phổ biến, mở rộng và thực hiện những phát minh cải tiến kỹ thuật, sáng kiến hợp lý hóa đã thực nghiệm thành công, đồng thời báo cáo lên cấp trên.

d) Xét phân loại sáng kiến, định tiền thưởng trình cho các cấp thẩm quyền theo thông tư quy định phê chuẩn đề cấp phát tiền thưởng.

Ở trung ương, Bộ Lao động sẽ đề nghị Thủ tướng phủ quy định tổ chức Ủy ban kỹ thuật-Thành phần, nhiệm vụ của Ủy ban này sẽ do Thủ tướng phủ quy định sau.

F. — NHỮNG NGUYÊN TẮC PHỤ

1. Những phát minh có thể giải quyết được những vấn đề kỹ thuật lớn, có cống hiến đặc biệt thì tiền thưởng sẽ do Bộ chủ quản sau khi đã thống nhất với Bộ Lao động đề nghị lên Thủ tướng phủ quyết định, không hạn chế theo tỷ lệ quy định trong thông tư này.

2. Những phát minh của nước khác chưa in thành sách hoặc chưa được các chuyên gia giới thiệu, hoặc mới biết tên mà chưa biết cách làm, nay có người chuyên tâm nghiên cứu thành công thì sau khi sử dụng vẫn được thưởng theo thông tư này.

Những cải tiến kỹ thuật và sáng kiến hợp lý hóa đã có ở nước ngoài hoặc đã có ở một ngành khác trong nước nhưng chưa được in thành sách, phổ biến trên báo chí hoặc cấp lãnh đạo phổ biến mà do người đó chuyên tâm nghiên cứu thành công, thì sau khi được sử dụng có kết quả cụ thể đều được thưởng theo thông tư này.

3. Trường hợp thực hiện các kinh nghiệm tiên tiến của các nước bạn (Liên xô, Trung quốc, v.v...) đã được học tập đạt được nhiều kết quả lớn sẽ do Thủ trưởng đơn vị và ngành chủ quản đề nghị lên Bộ khen thưởng bằng vật chất, hoặc danh dự cho cá nhân hoặc tập thể, không thưởng theo quy định của thông tư này.

0966842222 www.vietnamnet.vn 04-8-3845

Thực hiện chế độ thưởng sáng kiến phát minh có một ý nghĩa quan trọng đối với việc nâng cao kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất công nghiệp phát triển. Thực hiện được tốt nó sẽ có tác dụng phát huy tinh thần tích cực, sáng tạo của công nhân, cán bộ, nhân viên trong các ngành sản xuất, khoa học, kỹ thuật. Đề nghị các Bộ, các ngành coi trọng việc chỉ đạo thực hiện chế độ khen thưởng phát minh, dựa vào thông tư này và căn cứ vào đặc điểm của ngành mình quy định thể lệ cụ thể, đơn đốc hướng dẫn cho các cơ sở lập nội quy khen thưởng và kế hoạch thi hành có kết quả tốt. Trong khi thi hành nếu có kinh nghiệm công tác và những đề nghị bổ sung chính sách, hoặc gặp những mắc mứu khó khăn, đề nghị phản ảnh cho Bộ Lao động.

Thông tư này ban hành kể từ ngày ban bố.

Hà-nội, ngày 8 tháng 3 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Lao động

NGUYỄN VĂN TẠO

BỘ Y TẾ

QUYẾT ĐỊNH số 155-BYT ngày 7-3-1958
tạm thời đình chỉ việc sản xuất thuốc tây ở các hiệu thuốc và phòng bào chế tư nhân và ấn định thể lệ việc cho lưu hành thuốc tây còn ở kho.

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Chiếu theo nghị định Thủ tướng phủ số 965-TTg ngày 11-7-1956 về việc làm nghề bào chế thuốc và thông tư của Bộ Y tế số 7004-BYT ngày 1-9-1956;

Chiếu theo báo cáo kiểm tra về cơ sở tư liệu sản xuất và kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm của các hiệu thuốc tây và phòng bào chế tư nhân;

Chiếu theo đề nghị của Vụ Dược chính;

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. — Tạm thời đình chỉ việc sản xuất thuốc ở các hiệu thuốc tây và phòng bào chế tư nhân. Việc pha chế theo đơn vẫn được tiếp tục như cũ.

Điều 2. — Những thành phẩm hiện tồn kho ở các hiệu thuốc tây, phòng bào chế tư nhân và đại lý thuốc tây, chia làm ba loại:

- 1) Những thứ bào chế không đúng quy cách và tiêu chuẩn thì cấm lưu hành.
- 2) Những thứ chưa kiểm nghiệm thì chưa được lưu hành.
- 3) Những thứ mà kiểm nghiệm xác định còn sử dụng được thì được lưu hành.

Điều 3. — Một thông tư sẽ giải thích chi tiết thi hành quyết định này.

Điều 4. — Ông Chánh văn phòng, ông Giám đốc Vụ Dược chính, các ông Chủ tịch Ủy ban Hành

chính các cấp chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 7 tháng 3 năm 1958

Bộ trưởng Bộ Y tế

Bác Sĩ HOÀNG TÍCH TRÍ

THÔNG TƯ số 170-BYT ngày 11-3-1958
về việc thi hành quyết định số 155-BYT ngày 7-3-1958 tạm thời đình chỉ sản xuất thuốc tây của tư nhân và xử lý các thuốc còn tồn kho.

Trong 3 năm sau khi hòa bình được lập lại, việc kinh doanh thuốc tây tuy đã được chỉnh đốn, nhưng công tác quản lý của Nhà nước còn lỏng lẻo và các tư nhân cũng chưa chấp hành đúng đường lối chủ trương của Chính phủ. Cho nên sức khỏe của nhân dân chưa được đảm bảo đúng mức yêu cầu:

Việc sản xuất thuốc của các tư nhân bán cho nhân dân dùng chưa được chú trọng và còn nhiều thiếu sót. Mặc dù nghị định Thủ tướng phủ số 965-TTg ngày 11-7-1956 đã ấn định luật lệ Nhà nước về việc hành nghề và điều lệ tạm thời kèm theo đã quy định rõ ràng chi tiết về làm thuốc và bán thuốc, nhưng các Dược sỹ tư trong khi sản xuất thuốc không theo đúng và vi phạm nhiều về luật lệ.

Cơ sở sản xuất không bảo đảm vệ sinh và không đủ điều kiện để thực hiện vô trùng.

Dụng cụ sản xuất thô sơ, thiếu chính xác như cân, ống đo, phễu, v.v..., có khi lại thiếu cả các dụng cụ cần bản để bảo đảm chất lượng thuốc như: nồi, hộp, tủ lạnh, v.v...

Cách trình bày chỉ trọng về hình thức bên ngoài, không áp dụng đúng quy cách đã ấn định của Nhà nước.

Thuốc làm ra không kiểm nghiệm trước khi bán cho người dùng đa số thiếu thể tích, thiếu liều lượng, thậm chí đến có thứ còn nhiễm trùng.

Sau khi tiến hành một cuộc kiểm tra, xem xét cơ sở, công cụ pha chế và tiến hành một cuộc kiểm nghiệm sơ bộ các thuốc của các Dược sỹ tư nhân sản xuất, để đảm bảo sức khỏe của nhân dân, Bộ Y tế đã ra quyết định số 155-BYT ngày 7-3-1958 tạm thời đình chỉ việc sản xuất thuốc ở các hiệu thuốc tây và phòng bào chế tư nhân và ban bố cách xử lý những thuốc đã sản xuất và đang tồn kho tại các hiệu thuốc tây, phòng bào chế tư nhân và các đại lý thuốc tây trong toàn miền Bắc.

I. — MỤC ĐÍCH Ý NGHĨA CỦA QUYẾT ĐỊNH NÀY:

Trước tình trạng sản xuất và buôn bán thuốc tây một cách không khoa học có tác hại đến sức